

Quảng Trị, ngày 09 tháng 4 năm 2019

Số: 77 /HD-VPĐP

HƯỚNG DẪN

Thực hiện Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020

Căn cứ Quyết định số 507/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh về ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2018-2020. Thực hiện Công văn số 1133/UBND-NN ngày 21/3/2019 của UBND tỉnh về việc hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu, Văn phòng điều phối nông thôn mới hướng dẫn thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. TIÊU CHÍ GIAO THÔNG

1. Chỉ tiêu quy định

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
1	Giao thông	1.1. Tỷ lệ các tuyến đường trục xã, trục thôn, liên thôn, ngõ xóm có cây bóng mát (cây cách cây tối thiểu 10m) hoặc hàng rào xanh hoặc hàng rào khác được phủ xanh hoặc trồng hoa hai bên trục đường.	≥80%
		1.2. Đường liên thôn, trục thôn và đường ngõ xóm được bê tông hóa (hoặc nhựa hóa) đạt chuẩn theo quy định	≥95%
		1.3. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	100%
		1.4. Cắm mốc chỉ giới đường trục xã, liên thôn theo quy hoạch xã nông thôn mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt	100%
		1.5. Các tuyến đường trục xã, đường trục thôn, liên thôn, ngõ xóm được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên và đảm bảo an toàn giao thông	100%

2. Phương pháp đánh giá

a) Chỉ tiêu 1.1. Tỷ lệ các tuyến đường trục xã, trục thôn, liên thôn, ngõ xóm có cây bóng mát (cây cách cây tối thiểu 10m) hoặc hàng rào xanh hoặc hàng rào khác được phủ xanh hoặc trồng hoa hai bên trục đường.

- Hàng rào xanh: là hàng rào được tạo thành từ các loại cây xanh phù hợp với điều kiện đất đai, thổ nhưỡng của từng địa phương, được cắt tỉa, tạo cảnh quan xanh, đẹp, ưu tiên các hàng rào xanh có giá trị kinh tế.

- Hàng rào khác được phủ xanh: là hàng rào làm bằng bê tông, sắt, gỗ, các vật liệu khác được phủ xanh bằng các loại cây dây leo hoặc xây bồn phía ngoài hàng rào để trồng các loài cây bóng mát, cây dây leo.

- Cây bóng mát được trồng cách nhau tối thiểu 10m, bố trí đảm bảo mỹ quan và không ảnh hưởng đến hành lang an toàn lưới điện.

- Tùy theo điều kiện thực tế, các tuyến đường có thể trồng cây bóng mát (cây cách cây tối thiểu 10m) hoặc hàng rào xanh hoặc hàng rào khác được phủ xanh hoặc trồng hoa hai bên trục đường nhưng phải đảm bảo tỷ lệ đạt từ 80% trở lên.

b) Chỉ tiêu 1.2. Đường liên thôn, trục thôn và đường ngõ xóm được bê tông hóa (hoặc nhựa hóa) đạt chuẩn theo quy định.

Tiêu chuẩn, kết cấu, cấp các loại đường thực hiện theo hướng dẫn Bộ tiêu chí quốc gia xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 ban hành kèm theo Quyết định số 2790/HD-UBND ngày 28/6/2017 của UBND tỉnh thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

Xã đạt chuẩn chỉ tiêu này phải có tỷ lệ các loại đường liên thôn, trục thôn và đường ngõ xóm được bê tông hóa (hoặc nhựa hóa) đạt từ 95% trở lên.

c) Chỉ tiêu 1.3. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm

Tiêu chuẩn, kết cấu, cấp các loại đường thực hiện theo hướng dẫn Bộ tiêu chí quốc gia xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 ban hành kèm theo Quyết định số 2790/HD - UBND ngày 28/6/2017 của UBND tỉnh thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

Xã đạt chuẩn chỉ tiêu này phải có tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm đạt 100%.

d) Chỉ tiêu 1.4. Cấm mốc chỉ giới đường trục xã, liên thôn theo quy hoạch xã nông thôn mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt

Thực hiện theo hướng dẫn về cấm mốc chỉ giới xây dựng tại tiêu chí quy hoạch ban hành kèm theo Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 9/1/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Xã đạt chỉ tiêu này phải khi 100% các tuyến đường trục xã, liên thôn được cấm mốc chỉ giới theo quy hoạch xã nông thôn mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

e) Chỉ tiêu 1.5. Các tuyến đường trục xã, đường trục thôn, liên thôn, ngõ xóm được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên và đảm bảo an toàn giao thông

- 100% các tuyến đường trục xã, đường trục thôn, liên thôn, ngõ xóm được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên, đảm bảo đi lại thuận tiện.

- Tất cả các điểm giao nhau của các đường giao thông từ đường trục thôn trở lên phải có biển báo giao thông phù hợp theo quy định.

II. TIÊU CHÍ ĐIỆN

1. Chỉ tiêu quy định

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí/chỉ tiêu	Chỉ tiêu
Điện	Tỷ lệ các tuyến đường trục xã, trục thôn, ngõ xóm (trục chính trong khu dân cư) có hệ thống đèn chiếu sáng	100%

2. Phương pháp đánh giá

- Xã đạt tiêu chí này khi có 100% các tuyến đường trục xã, trục thôn, ngõ xóm (trục chính trong khu dân cư) có hệ thống đèn chiếu sáng.

- Quy định đạt chuẩn đối với việc lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng như sau

+ Có thể lựa chọn loại cột đèn, bóng đèn và dây dẫn phù hợp điều kiện thực tế của tuyến đường, của địa phương nhưng phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

+ Bảo đảm các chức năng về chiếu sáng, định vị, dẫn hướng cho các đối tượng tham gia giao thông hoạt động an toàn về ban đêm;

+ Các cột đèn phải được lắp dựng chắc chắn, thẳng hàng ở mép ngoài của lề đường; bảo đảm mỹ quan, an toàn, tiết kiệm trong quá trình vận hành sử dụng.

III. TIÊU CHÍ TRƯỜNG HỌC

1. Chỉ tiêu quy định

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí/chỉ tiêu	Chỉ tiêu
Trường học	3.1. Tỷ lệ trường học các cấp có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	100%
	3.2. Có ít nhất 01 trường mầm non hoặc tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ 2	Đạt

2. Phương pháp đánh giá

- Xã đạt chỉ tiêu Trường học khi đáp ứng yêu cầu: 100% các trường học có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo;

trong đó có ít nhất 1 trường mầm non hoặc tiểu học đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2.

TIÊU CHÍ THU NHẬP

1. Chỉ tiêu quy định

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí/chỉ tiêu	Chỉ tiêu
Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người cao gấp 1,2 lần so với quy định mức thu nhập đối với xã đạt chuẩn nông thôn mới của năm đề nghị công nhận đạt chuẩn kiểu mẫu (triệu đồng/ người)	Năm 2018: ≥ 36 Năm 2019: ≥ 39 Năm 2020: ≥ 43

2. Phương pháp đánh giá

- Xã đạt tiêu chí Thu nhập khi đáp ứng yêu cầu: có thu nhập bình quân đầu người tối thiểu phải bằng 1,2 lần đối với mức quy định xã đạt chuẩn trong năm đề nghị xét công nhận.

- Phương pháp tính thu nhập: Thực hiện theo hướng dẫn bộ tiêu chí xã nông thôn mới ban hành kèm theo Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 9/1/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

IV. TIÊU CHÍ HỘ NGHÈO

1. Chỉ tiêu quy định

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí/chỉ tiêu	Chỉ tiêu
Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 (không tính hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội, do tai nạn rủi ro bất khả kháng hoặc do bệnh hiểm nghèo)	$\leq 2,5\%$

2. Phương pháp đánh giá

- Xã đạt tiêu chí hộ nghèo khi đáp ứng yêu cầu: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 (không tính hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội, do tai nạn rủi ro bất khả kháng hoặc do bệnh hiểm nghèo) đạt từ 2,5% trở xuống.

- Phương pháp tính: Thực hiện theo hướng dẫn bộ tiêu chí xã nông thôn mới ban hành kèm theo Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 9/1/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

V. TIÊU CHÍ TỔ CHỨC SẢN XUẤT

1. Chỉ tiêu quy định

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí/chỉ tiêu	Chỉ tiêu
Tổ chức sản xuất	6.1. Có ít nhất 01 HTX thành lập theo Luật HTX năm 2012 hoạt động có hiệu quả và được nhân rộng; thực hiện liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị hàng hóa đối với sản phẩm chủ lực của xã đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm và gắn với định hướng phát triển dịch vụ, du lịch... của địa phương	Đạt
	6.2. Thực hiện cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp đối với cây trồng chủ lực; có mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và chế biến sản phẩm an toàn, sạch, hoặc mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ	Đạt

2. Phương pháp đánh giá

a. Đối với chỉ tiêu 6.1

- Xã có ít nhất 01 HTX thành lập theo Luật HTX năm 2012, kinh doanh có lãi liên tục trong 2 năm tài chính gần nhất (hoặc 01 năm tài chính gần nhất đối với hợp tác xã mới thành lập chưa quá 03 năm)

- Trên địa bàn xã có mô hình tham gia vào chuỗi giá trị gắn với các sản phẩm chủ lực của xã, đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm và gắn với định hướng phát triển dịch vụ, du lịch của địa phương; đặc biệt là liên kết tiêu thụ sản phẩm cho người dân.

b. Đối với chỉ tiêu 6.2

- Đối với cơ giới hóa trong nông nghiệp, đảm bảo các điều kiện sau:

+ Khâu làm đất: Tỷ lệ diện tích gieo trồng (lúa, ngô, lạc, khoai, sắn, rau củ quả,...) được áp dụng cơ giới hóa $\geq 95\%$.

+ Khâu thu hoạch (lúa): Tỷ lệ diện tích gieo trồng được áp dụng cơ giới hóa $\geq 90\%$;

+ Khâu khác (chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh): Tỷ lệ diện tích gieo trồng (lúa, ngô, lạc, khoai, sắn, rau củ quả,...) được áp dụng cơ giới hóa $\geq 50\%$.

- Đối với mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và chế biến sản phẩm an toàn, sạch, hoặc mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ

+ Mô hình trồng trọt, yêu cầu phải đảm bảo

Sử dụng giống có nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo phẩm cấp theo quy định.

Khuyến khích sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ, sạch, an toàn và thân thiện với môi trường.

Tăng cường thực hiện công tác quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), quản lý dinh dưỡng cây trồng tổng hợp (ICM),...

Tùy theo loại cây trồng để lựa chọn sử dụng phù hợp các biện pháp khoa học - công nghệ sau: sử dụng hệ thống tưới phun hoặc tưới nhỏ giọt tự động hoặc bán tự động với công nghệ tiên tiến, tiết kiệm nước; sử dụng nhà lưới hoặc nhà kính hoặc màng phủ nông nghiệp để điều chỉnh nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng đảm bảo sản xuất quanh năm; canh tác trên đất (cơ giới hóa trong làm đất) hoặc thủy canh, khí canh, trồng cây trên giá thể,...

Quản lý dư lượng thuốc BVTV và các chất gây hại khác trên nông sản theo quy định của chuyên ngành.

+ Mô hình chăn nuôi:

Sử dụng giống có nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo chất lượng; thuộc danh mục giống vật nuôi được sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.

Tổ chức sản xuất theo hướng tập trung theo chuỗi khép kín, ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến, công nghệ cao vào chăn nuôi theo phương thức công nghiệp, bán công nghiệp áp dụng các tiến bộ kỹ thuật như: chuồng kín, tự động hóa các khâu thức ăn, nước uống, tiêu độc khử trùng,...

Xử lý chất thải chăn nuôi bằng bể Biogas, đệm lót sinh học gắn với đảm bảo vệ sinh, an toàn dịch bệnh và chú trọng công tác tiêm phòng định kỳ.

+ Đối với nuôi trồng thủy sản:

Sử dụng giống có nguồn gốc xuất xứ, đảm bảo chất lượng theo quy định, có giấy chứng nhận kiểm dịch của cơ quan quản lý chuyên ngành đối với nguồn giống được vận chuyển từ ngoại tỉnh;

Áp dụng công nghệ nuôi tiên tiến (nuôi tôm trong nhà kính, nuôi tôm theo công nghệ Biofloc, Semi Biofloc, nuôi tôm 2 giai đoạn, 3 giai đoạn, nuôi tôm bằng chế phẩm sinh học, áp dụng quy phạm thực hành nuôi trồng thủy sản tốt (VietGAP, Global GAP,...) để nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm;

Cơ sở hạ tầng: ưu tiên các vùng có giao thông thuận lợi, có hệ thống điện lưới 3 pha phục vụ sản xuất, hệ thống ao nuôi lót bạt, vôi bờ xi măng, có hệ thống ao xử lý nước cấp, xử lý nước thải và chất thải, có hệ thống quạt nước, sục khí và các trang thiết bị phụ trợ phục vụ sản xuất đảm bảo theo quy định;

+ Đối với trồng rừng thâm canh gỗ lớn:

Sử dụng giống có nguồn gốc, chất lượng theo quy định tại Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp và các quy định hiện hành. Sử dụng giống có nguồn gốc xuất xứ theo quy định, giống ứng dụng công nghệ cao (từ nuôi cấy mô tế bào, hom, bầu tự hủy...);

Áp dụng quy trình trồng rừng thâm canh gỗ lớn; áp dụng cơ giới hóa trong các khâu khai hoang, xử lý thực bì, làm đất, đào hố, tưới nước...Tập trung trồng rừng thâm canh và chuyển hóa rừng từ cung cấp nguyên liệu dăm gỗ

sang kinh doanh gỗ lớn theo hướng phát triển bền vững nhằm nâng cao năng xuất, chất lượng và giá trị sản phẩm rừng. Mở rộng diện tích rừng trồng được cấp chứng chỉ rừng FSC.

+ Đối với chế biến nông lâm thủy sản:

Công nghệ ứng dụng là các công nghệ tiên tiến, công nghệ tự động hóa, bán tự động như: sấy chân không với công nghệ chiếu xạ, sấy lạnh, sấy nhanh bảo quản nông sản, cấp đông, đóng gói, hút chân không, chế biến thủy sản bằng dây chuyền công nghệ khép kín đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm của quốc gia và quốc tế.

VI. TIÊU CHÍ GIÁO DỤC

1. Chỉ tiêu quy định

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí/chỉ tiêu	Chỉ tiêu
Giáo dục	7.1. Xã đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3	Đạt
	7.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học sơ sở tiếp tục học THPT, bổ túc, học nghề	$\geq 90\%$
	7.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	$\geq 65\%$

2. Phương pháp đánh giá

a. Đối với chỉ tiêu 7.1: Xã đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung quy trình thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

b. Đối với chỉ tiêu 7.2 và 7.3: Thực hiện theo hướng dẫn bộ tiêu chí xã nông thôn mới ban hành kèm theo Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 9/1/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

VII. TIÊU CHÍ Y TẾ

1. Chỉ tiêu quy định

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí/chỉ tiêu	Chỉ tiêu
Y tế	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	$\geq 95\%$

2. Phương pháp đánh giá

- Xã đạt tiêu chí y tế khi tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt từ 95% trở lên.

VIII. TIÊU CHÍ VĂN HÓA

1. Chỉ tiêu quy định

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí/chỉ tiêu	Chỉ tiêu
Văn hóa	Xã đạt chuẩn Văn hóa nông thôn mới	Đạt

2. Phương pháp đánh giá

- Xã đạt tiêu chí văn hóa khi xã được công nhận xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới.

Việc công nhận xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 17/2011/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”

IX. TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG

1. Chỉ tiêu quy định

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí/chỉ tiêu	Chỉ tiêu
Môi trường	10.1. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo “3 sạch” theo nội dung cuộc vận động của Hội liên hiệp phụ nữ	$\geq 95\%$
	10.2. Tối thiểu 70% lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn xã được thu gom và xử lý theo đúng quy định; vỏ thuốc bảo vệ thực vật ở đồng ruộng được thu gom theo quy định.	Đạt
	10.3. Có quy hoạch khu chăn nuôi tập trung và quy định đưa gia súc, gia cầm quy mô lớn ra khỏi khu dân cư tập trung	Đạt
	10.4. Tỷ lệ hộ chăn nuôi quy mô nhỏ có chuồng trại đặt ở vị trí đảm bảo mỹ quan, hợp vệ sinh và có các biện pháp xử lý chất thải chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	$\geq 85\%$

2. Phương pháp đánh giá

a. Chỉ tiêu 10.1. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo “3 sạch” theo nội dung cuộc vận động của Hội liên hiệp phụ nữ phải đạt từ 95% trở lên. Thực hiện theo hướng dẫn bộ tiêu chí xã nông thôn mới ban hành kèm theo Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 9/1/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b. Chỉ tiêu 10.2.

Xã đạt chỉ tiêu này khi có tối thiểu 70% lượng rác thải được thu gom, xử lý theo quy định, xã phải có các hoạt động thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt như:

- Có tổ vệ sinh môi trường, rác thải phải được phân loại ngay từ hộ gia đình (hữu cơ, vô cơ – có túi hoặc thùng ghi rõ loại rác). Thực hiện tốt công tác thu gom và trung chuyển rác đảm bảo lượng rác thải không được tập kết lâu ngày (quá 3 ngày) gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn xã.

- Không có tình trạng vứt rác nơi công cộng và những nơi trái quy định, các hộ gia đình đều có ý thức và tham gia bảo vệ cảnh quan môi trường.

- Định kỳ tối thiểu 01 lần/tháng có tổ chức vệ sinh chung toàn thôn và các nơi công cộng của xã

- Các thôn thuộc xã tổ chức sản xuất nông nghiệp có sử dụng thuốc BTVT để phòng trừ dịch hại cây trồng phải đảm bảo các điều kiện:

- + Xây dựng số lượng, quy cách bể chứa bao gói thuốc BVTV sau khi sử dụng trên đồng ruộng tương ứng với diện tích được quy định tại Khoản 2, điều 3 Thông tư số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016.

- + 100% bao gói thuốc BVTV sau khi sử dụng được thu gom vào các bể chứa, không vứt bỏ bừa bãi trên đồng ruộng, kênh mương và giao thông nội đồng

- + Trong thời gian 12 tháng, bao gói thuốc BTVT sau khi sử dụng đã thu gom vào bể chứa trên đồng ruộng phải được trung chuyển về khu vực lưu chứa hoặc đưa đi xử lý đúng quy trình.

c. Chỉ tiêu 10.3.

- Xã có quy hoạch vùng chăn nuôi tập trung xa khu dân cư, cách xa khu dân cư đông người, các công trình công cộng ít nhất 500m và đường giao thông liên tỉnh, huyện ít nhất 100m.

- Xã có quy định về việc đưa trang trại chăn nuôi và hộ chăn nuôi quy mô lớn ra chăn nuôi tại vùng chăn nuôi tập trung. Quy định này được Hội đồng nhân xã thông qua và được công khai tại các địa điểm thuận lợi để người dân được biết.

- Hộ chăn nuôi quy mô lớn là chăn nuôi trên 100 con đối với lợn thịt, trên 30 con đối với lợn nái, trên 20 con đối với trâu bò và trên 1.000 con đối với gia cầm.

- Đối với những hộ gia đình chăn nuôi theo quy mô lớn, thực hiện việc đưa gia súc, gia cầm ra khỏi khu dân cư để đảm bảo vệ sinh môi trường nông thôn. Riêng đối với những hộ gia đình chăn nuôi có quy mô lớn nhưng có diện tích đất vườn hộ đảm bảo cho việc chăn nuôi, cách xa khu dân cư đông người, các công trình công cộng ít nhất 500m đối với trang trại nuôi trên 1000 con lợn thịt và ít nhất 300m đối với trại nuôi từ 100 đến dưới 1000 con lợn thịt và có các

biện pháp xử lý chất thải không làm ảnh hưởng đến môi trường các hộ dân xung quanh thì có thể không phải đưa ra khu chôn nuôi tập trung.

d. Chỉ tiêu 10.4. Chuồng trại chăn nuôi đối với các hộ chăn nuôi nông hộ quy mô nhỏ phải bố trí nơi phù hợp, đảm bảo mỹ quan, không ảnh hưởng đến môi trường cảnh quan trong vườn hộ, những hộ gia đình xung quanh và chung toàn thôn.

- Chuồng trại chăn nuôi phải tối thiểu cách nhà ở, công trình cấp nước 10 m; được vệ sinh định kỳ bảo đảm phòng ngừa, ứng phó dịch bệnh; Chất thải chăn nuôi phải được thu gom và xử lý; không xả, chảy tràn ra khu vực xung quanh đáp ứng các yêu cầu: Có hệ thống xử lý chất thải, đảm bảo vệ sinh môi trường. Chất thải rắn phải được thu gom hằng ngày, được xử lý bằng hóa chất, chế phẩm sinh học,... trước khi sử dụng vào mục đích khác; Chất thải lỏng xây dựng hệ thống bể biogas (bể xây, composit, bạt,...) đảm bảo tiêu chuẩn (định mức tối thiểu 01m³/con), hồ sinh học hoặc hồ lắng lọc nhằm đảm bảo nước sau khi xử lý, thải ra môi trường đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và hệ thống mương tiêu thoát hạn chế chảy tràn ra khu vực xung quanh. Ngoài ra có thể sử dụng đệm lót sinh học trong chuồng nuôi để xử lý chất thải chăn nuôi, hạn chế ô nhiễm môi trường. Riêng đối với chăn nuôi bò có thể xây dựng hố ủ phân (có đủ diện tích trữ phân) có mái che; hệ thống hố lắng thu gom nước rỉ phân.

X. TIÊU CHÍ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

1. Chỉ tiêu quy định

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí/chỉ tiêu	Chỉ tiêu
Thông tin và Truyền thông	Cổng chào xã hoặc pano chính của xã có ghi “xã đạt chuẩn nông thôn mới. Đầu mỗi trục đường thôn, ngõ xóm có pano cố định để tuyên truyền pháp luật và các nội dung trong xây dựng nông thôn mới	Đạt

2. Phương pháp đánh giá

- Cổng chào xã phải có ghi “Xã đạt chuẩn nông thôn mới”. Đối với các địa phương không thể bố trí tại các cổng chào xã thì có thể thiết lập pano tại điểm đầu trục đường chính của xã và có ghi “Xã đạt chuẩn nông thôn mới”. Quy cách của pano và dòng chữ “Xã đạt chuẩn nông thôn mới” sẽ được thiết lập theo thiết kế mẫu đảm bảo mỹ quan, tiết kiệm và hiệu quả.

- Đầu mỗi trục đường thôn, ngõ xóm có 01 pano cố định để tuyên truyền pháp luật và các nội dung trong xây dựng nông thôn mới. Các nội dung sẽ được thay đổi tùy theo tình hình thực tế để đảm bảo tuyên truyền các chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước cần thiết cho người dân. Quy cách kỹ thuật của pano được lập theo thiết kế mẫu đảm bảo mỹ quan, tiết kiệm và hiệu quả.

XI. TIÊU CHÍ AN NINH TRẬT TỰ, HÀNH CHÍNH CÔNG

1. Chỉ tiêu quy định

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí/chỉ tiêu	Chỉ tiêu
An ninh trật tự, hành chính công	12.1. Tối thiểu 3 năm liên tục tính từ năm đề nghị xét công nhận, không có khiếu nại, tố cáo đông người, không để xảy ra tội phạm nghiêm trọng và không phát sinh thêm người mắc tệ nạn xã hội.	Đạt
	12.2. Có các mô hình tự quản, liên kết bảo vệ an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt
	12.3. Giải quyết các thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo đúng quy định	Đạt

2. Phương pháp đánh giá

a. Đối với chỉ tiêu 12.1. Đánh giá theo hướng dẫn chỉ tiêu 19.2 trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới ban hành kèm theo Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 9/1/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b. Đối với chỉ tiêu 12.2.

- Xã phải có các mô hình tự quản, liên kết bảo vệ an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả, đóng góp tích cực trong việc giữ gìn an ninh trật tự ở nông thôn.

- Các mô hình tự quản có thể do địa phương tự xây dựng hoặc học tập từ các địa phương khác.

- Hằng năm có tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện các mô hình; đánh giá tác động của mô hình đối với công tác bảo vệ an ninh trật tự nông thôn trên địa bàn xã.

c. Đối với chỉ tiêu 12.3. Xã phải thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo đúng quy định. Quy định về giải quyết thủ tục hành chính thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về cơ chế thực hiện một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Trên đây là hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020, làm cơ sở để các địa phương triển khai thực hiện và thẩm định, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020;

trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các địa phương, đơn vị có văn bản phản ánh về Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh để tổng hợp, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã;
- UBND các xã xây dựng NTM kiểu mẫu;
- Lưu: VT, Website.

CHÁNH VĂN PHÒNG



Võ Văn Hưng